

Số: 482/BC-SGDĐT

Lạng Sơn, ngày 21 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Quy định hỗ trợ sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 - 2030

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Công văn số 589/TB-UBND ngày 24/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông báo Kết luận của đồng chí Dương Xuân Huyền, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp chuyên đề xem xét các dự thảo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định hỗ trợ sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 - 2030. Dự thảo Nghị quyết “*biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương*” (theo khoản 4 Điều 27, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) và báo cáo đánh giá tác động đối với chính sách trong dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định hỗ trợ sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 - 2030, cụ thể như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Ngày 14/10/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 với mục tiêu: Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội,

đảm bảo an ninh biên giới quốc gia; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

Ngày 05/01/2022 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 02/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 với mục tiêu: *“Tỷ lệ các trường học có tổ chức bữa ăn học đường xây dựng thực đơn đáp ứng nhu cầu theo khuyến nghị của Bộ Y tế về bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi và đa dạng thực phẩm đạt 60% ở khu vực thành thị và 40% ở khu vực nông thôn vào năm 2025 và phấn đạt 90% và 80% vào năm 2030”* và giải pháp về thực hiện hoạt động dinh dưỡng học đường tại trường học: *“Xây dựng hướng dẫn, tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi, vùng, miền và bảo đảm đa dạng thực phẩm (đối với các trường học có tổ chức bữa ăn học đường). Ban hành các quy định nhằm hạn chế học sinh tiếp cận với các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe...”*.

Ngày 08/01/2019 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 41/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản giai đoạn 2018-2025 với mục tiêu *“Nâng cao kiến thức, năng lực của cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên, trẻ em, học sinh, sinh viên và cha mẹ học sinh về dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực để nâng cao sức khỏe, dự phòng các bệnh không lây nhiễm”*.

Ngày 28/9/2021 Bộ GDĐT ban hành Quyết định số 3000/QĐ-BGDĐT phê duyệt mô hình bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên Việt Nam *“Mô hình được áp dụng đối với các trường mầm non và trường tiểu học có tổ chức bữa ăn học đường nhằm bảo đảm dinh dưỡng hợp lý kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh tại nhà trường”*.

Ngày 02/10/2021 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1660/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025, với mục tiêu *“60% trường học có tổ chức bữa ăn học đường sử dụng sữa và các sản phẩm từ sữa trong bữa ăn học đường đạt chuẩn theo quy định”*.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Việc ban hành Nghị quyết nhằm xác định nguồn lực hỗ trợ sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 – 2030 giúp các cơ quan, ban, ngành, ủy ban nhân dân các cấp có căn cứ thực hiện quy định hỗ trợ sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Tình hình thực hiện Chương trình Sữa học đường trên địa bàn tỉnh

Trong những năm qua Chương trình Sữa học đường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn được các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo thực

hiện nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng của trẻ em mầm non và học sinh tiểu học thông qua hoạt động cho trẻ em uống sữa nhằm giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng, nâng cao tầm vóc, thể lực của trẻ em tỉnh Lạng Sơn, góp phần phát triển nguồn nhân lực trong tương lai; nâng cao nhận thức của cộng đồng, cha mẹ, người chăm sóc về tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với sự phát triển toàn diện về tầm vóc, thể lực và trí tuệ của trẻ, đặc biệt là bữa ăn học đường và việc bổ sung thêm sữa mỗi ngày là cần thiết và giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển chiều cao của trẻ.

Sở GDĐT luôn tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác thực hiện Chương trình Sữa học đường trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với các sở, ban, ngành, chính quyền địa phương trong công tác xây dựng, thực hiện kế hoạch về việc triển khai Chương trình Sữa học đường các năm học (2021-2022 và 2022-2023), cùng với việc triển khai nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng cung cấp sữa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học trong các cơ sở giáo dục công lập. Tích cực điều tra, tổng hợp, phân tích tình hình thực tiễn, triển khai tuyên truyền, huy động tối đa phụ huynh của trẻ mầm non và học sinh tiểu học đăng ký tham gia Chương trình Sữa học đường, xác định công tác cải thiện tình trạng dinh dưỡng của trẻ em mầm non và học sinh tiểu học là một trong những nhiệm vụ quan trọng của ngành.

Trong 02 năm học (2021-2022 và 2022-2023), Sở GDĐT thực hiện có hiệu quả các kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Chương trình Sữa học đường theo Quyết định số 1340/QĐ-TTg ngày 08/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020, cụ thể:

- Năm 2021-2022: Sữa cung cấp cho Chương trình đảm bảo cung cấp hàng hóa đảm bảo chất lượng và yêu cầu theo đúng các quy định tại Thông tư số 31/2019/TT-BYT ngày 05/12/2019 của Bộ Y tế; Sữa dùng cho Chương trình được vận chuyển, giao đến tận kho bảo quản của 466 trường và 124 các điểm trường cách xã điểm trường chính có nhu cầu hỗ trợ vận chuyển. Số lượng hộp sữa đã cung cấp cho chương trình: 4.881.629 hộp, trong đó:

+ Loại Sữa tươi tiệt trùng có đường nhãn hiệu Vinamilk 100% sữa tươi – học đường, 110ml/hộp: 2.898.709 hộp;

+ Loại Sữa tươi tiệt trùng có đường nhãn hiệu Vinamilk 100% sữa tươi – học đường, 180ml/hộp: 1.982.920 hộp).

Thông qua công tác tuyên truyền, vận động để tạo môi trường xã hội đồng thuận triển khai Chương trình Sữa học đường tỷ lệ tham gia Chương trình đã tăng nhưng do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 trong năm học 2021-2022 việc thực hiện mục tiêu về tỷ lệ tham gia chưa đạt so với mục tiêu đặt ra theo Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày ngày 17/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạt 4.881.629 hộp/17.088.192 hộp đạt 28.56%, trong đó cấp mầm non đạt 31.7%; cấp tiểu học đạt 24.9%.

Cuối năm học 2021-2022, Sở GDĐT thực hiện đánh giá kết quả về chăm sóc, nuôi dưỡng đối với trẻ mầm non nhận thấy tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm so với đầu năm học:

**Biểu số liệu thể hiện kết quả về chăm sóc, nuôi dưỡng
năm học 2021-2022**

Chỉ số	Đầu năm học 2021 - 2022	Cuối năm học 2021-2022	So sánh tăng (+), giảm (-) So với đầu năm học
1. Tổng số trường mầm non	232	232	0
2. Tổng số trẻ MN ra lớp	53293	55109	+ 1816
3. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân			
- Nhà trẻ	13,76	2,81	-10,95
- Mẫu giáo	10,65	2,05	-8,60
- Riêng trẻ 5 tuổi	6	0,94	-5,06
4. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi			
- Nhà trẻ	14,8	3,41	-11,39
- Mẫu giáo	10,58	2,43	-8,15
- Riêng trẻ 5 tuổi	5,6	0,97	-4,63

Đối với học sinh cấp tiểu học: Do tỷ lệ tham gia Chương trình thấp, Sở GDĐT thực hiện đánh giá được hiệu quả thực hiện Chương trình thông qua việc học sinh được giáo dục về vai trò quan trọng của chế độ dinh dưỡng, hình thành thói quen tốt như uống sữa mỗi ngày, đúng giờ để hỗ trợ tăng cường thể chất, trí tuệ. Đồng thời, các em cũng được nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh chung và bảo vệ môi trường thông qua việc gấp vỏ hộp gọn gàng sau khi uống sữa để dễ thu gom, tự giác bỏ vào thùng rác đúng quy định...

100% trẻ em đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới. Theo đánh giá tại báo cáo của Phòng GDĐT các huyện, thành phố các em học sinh có đăng ký uống sữa nhận thấy các em đều có sự tăng trưởng chiều cao và cân nặng.

- Năm học 2022-2023: Chương trình Sữa học đường năm học 2022-2023 đã được thực hiện tại 466/484 (96.28%) cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trường tiểu học và trung học cơ sở công lập trên địa bàn toàn tỉnh, gồm 222 trường mầm non, 244 trường tiểu học (trong đó có hơn 210 điểm trường có điều kiện di lại khó khăn được cung cấp sữa tới phòng lưu trữ tại điểm trường).

Số lượng cung cấp: Sữa cung cấp cho Chương trình đảm bảo cung cấp hàng hóa đảm bảo chất lượng và yêu cầu theo đúng các quy định tại Thông tư số 31/2019/TT-BYT ngày 05/12/2019 của Bộ Y tế; Sữa dùng cho Chương trình được vận chuyển, giao đến tận kho bảo quản của 466 trường và 210 các điểm trường cách xã điểm trường chính có nhu cầu hỗ trợ vận chuyển. Số lượng hộp sữa đã cung cấp cho chương trình: 6.651.645 hộp, trong đó:

- Loại Sữa tươi tiệt trùng có đường nhãn hiệu Vinamilk 100% sữa tươi – học đường, 110ml/hộp: **4,262,717** hộp;

- Loại Sữa tươi tiệt trùng có đường nhãn hiệu Vinamilk 100% sữa tươi – học đường, 180ml/hộp: **2,388,928** hộp).

Tỷ lệ tham gia: Thông qua công tác tuyên truyền, vận động để tạo môi trường xã hội đồng thuận triển khai Chương trình Sữa học đường tỷ lệ tham gia Chương trình đã tăng đạt 6.651.645 hộp/11.803.625 hộp đạt 55.22%, trong đó cấp mầm non đạt 62.4%; cấp tiểu học đạt 47.99%.

Việc thực hiện Chương trình Sữa học đường kết hợp với bữa ăn học đường, hiệu quả từ công tác truyền thông, giáo dục và tư vấn về dinh dưỡng, cách chăm sóc sức khỏe trẻ em tại gia đình và kiến thức và kỹ năng thực hành chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em trong trường học cho giáo viên, nhân viên y tế trường học và cha, mẹ, người chăm sóc trẻ trên địa bàn tỉnh giúp giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em mầm non và học sinh tiểu học tại các trường triển khai Chương trình Sữa học đường.

Cuối năm học 2022-2023, Sở GDĐT thực hiện đánh giá kết quả về chăm sóc, nuôi dưỡng đối với trẻ mầm non nhận thấy tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm so với đầu năm học:

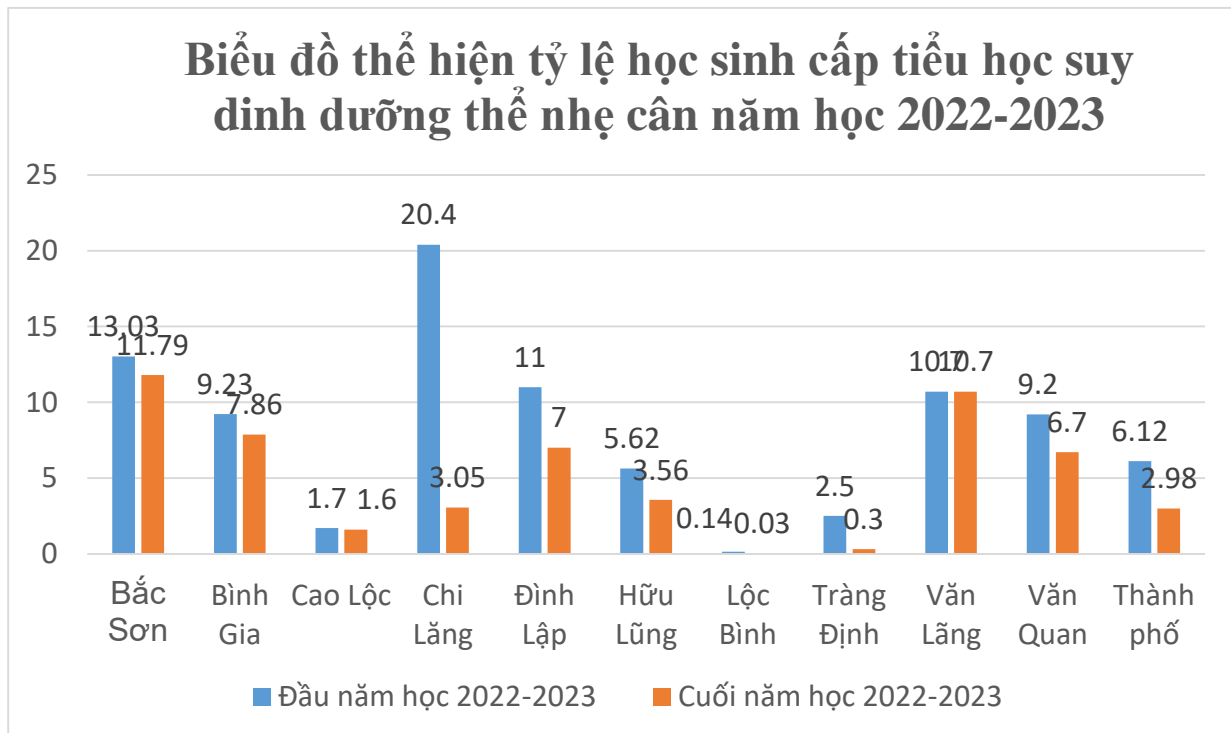
Biểu số liệu thể hiện kết quả về chăm sóc, nuôi dưỡng đối với cấp Mầm non năm học 2022-2023 của phòng GDĐT các huyện, thành phố

Chỉ số	Đầu năm học 2022-2023	Cuối Năm học 2022 - 2023	So sánh tăng (+), giảm (-)
			So với đầu năm học
1. Tổng số trường mầm non	232	232	0
2. Tổng số trẻ MN ra lớp	52.769	54.916	2147
Trong đó: - Trẻ nhà trẻ	10.584	12.494	1910
% Tỷ lệ huy động NT	39,4	45,3	5,9
- Trẻ mẫu giáo	42.185	42.422	237

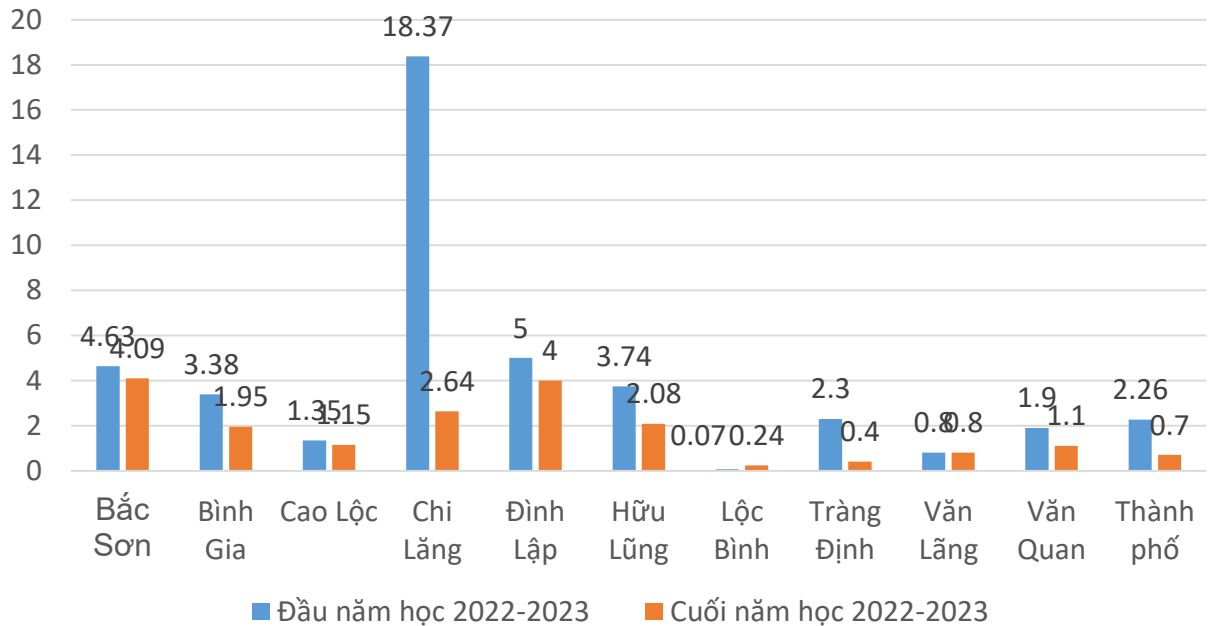
% Tỷ lệ huy động MG	97,2	99,1	1,9
- Riêng trẻ 5 tuổi	14.701	14,716	15
% Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi	99,1	99,9	0,8
3. Trường MN bán trú, 2 buổi/ngày	232	232	0
4. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi			
Tổng số	10,9	2,6	+ 8,3
- Nhà trẻ	14,7	3,5	-11,2
- Mẫu giáo	10,0	2,3	-7,7
- Riêng trẻ 5 tuổi	7,6	1,1	-6,5

Đối với học sinh cấp tiểu học: Sở GDĐT thực hiện đánh giá được hiệu quả thực hiện Chương trình thông qua việc học sinh được giáo dục về vai trò quan trọng của chế độ dinh dưỡng, hình thành thói quen tốt như uống sữa mỗi ngày, đúng giờ để hỗ trợ tăng cường thể chất, trí tuệ. Đồng thời, các em cũng được nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh chung và bảo vệ môi trường thông qua việc gấp vỏ hộp gọn gàng sau khi uống sữa để dễ thu gom, tự giác bỏ vào thùng rác đúng quy định...

100% trẻ em đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới. Theo đánh giá tại báo cáo của Phòng GDĐT các huyện, thành phố các em học sinh có đăng ký uống sữa nhận thấy các em đều có sự tăng trưởng chiều cao và cân nặng.



Biểu đồ thể hiện tỷ lệ học sinh cấp tiểu học suy dinh dưỡng thể thấp còi năm học 2022-2023



2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định hỗ trợ sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 – 2030 phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh nhằm hỗ trợ, khuyến khích phụ huynh học sinh đăng ký tham gia sử dụng sữa học đường hướng đến mục tiêu “60% trường học có tổ chức bữa ăn học đường sử dụng sữa và các sản phẩm từ sữa trong bữa ăn học đường đạt chuẩn theo quy định”.

3. Đánh giá tác động của chính sách đối với học sinh tham gia sử dụng sữa học đường

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 - 2030.

- Mức hỗ trợ: Chi hỗ trợ kinh phí mua sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2024-2030 với định mức sử dụng sữa 01 hộp sữa tươi tiệt trùng có dung tích 110ml/ngày/trẻ mầm non, uống 05 lần/tuần, mỗi năm học không vượt quá 180 hộp/trẻ; 01 hộp sữa tươi tiệt trùng có dung tích 180ml/ngày/học sinh tiểu học, uống 03 lần/tuần, mỗi năm học không vượt quá 108 hộp/học sinh, tỷ lệ hỗ trợ cụ thể như sau:

- Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thuộc diện hộ nghèo, theo tiêu chí hiện hành, con thương binh, con liệt sĩ (có giấy xác nhận của chính quyền địa phương), trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi được hỗ trợ 75% kinh phí mua sữa (Ngân sách nhà nước

hỗ trợ 50%; Doanh nghiệp cung cấp sữa hỗ trợ 25% kinh phí mua sữa); Phụ huynh đóng góp 25% kinh phí mua sữa.

- Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thuộc diện hộ cận nghèo theo tiêu chí hiện hành được hỗ trợ 50% kinh phí mua sữa (*Ngân sách nhà nước hỗ trợ là 25%; Doanh nghiệp cung cấp sữa hỗ trợ 25% kinh phí mua sữa*); Phụ huynh đóng góp 50% kinh phí mua sữa.

- Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh không thuộc các đối tượng nêu trên được hỗ trợ 25% kinh phí mua sữa (*Doanh nghiệp cung cấp sữa hỗ trợ*); Phụ huynh đóng góp 75% kinh phí mua sữa.

Diễn giải về đề xuất mức chi nêu trên: Căn cứ thực tế thực hiện Chương trình Sữa học đường năm học 2021-2022 và 2022-2023 mức hỗ trợ trẻ mầm non, học sinh các diện A, B, C với mức chi nêu trên là phù hợp:

- Bám sát điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh khi thực tế trong các năm triển khai đã đảm bảo nguồn kinh phí địa phương trong quá trình thực hiện (*Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp đủ kinh phí của cấp tỉnh hỗ trợ triển khai thực hiện gồm: đấu thầu, truyền thông, kinh phí mua sữa (20%); Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đảm bảo cân đối nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ kinh phí mua sữa 80%*) không để xảy ra tình trạng thiếu kinh phí khi thực hiện chương trình.

Phù hợp với điều kiện kinh tế, thu nhập còn nhiều khó khăn của phụ huynh học sinh trên địa bàn tỉnh với đa số là lao động tham gia sản xuất nông nghiệp, ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Kinh phí hỗ trợ của nguồn kinh phí địa phương trong quá trình thực hiện Chương trình Sữa học đường đã góp phần hỗ trợ, khuyến khích phụ huynh học sinh đăng ký tham gia sử dụng sữa với tỷ lệ tăng theo từng năm (*năm học 2021-2022 đạt 28.56% đến năm 2022-2023 đã đạt 55.22% tăng 26.66%*)

Dự kiến kinh phí thực hiện từ tháng 09/2024 đến hết 31/5/2030 là 577.453.658.220 (*Năm trăm bảy mươi bảy tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, hai trăm hai mươi đồng*), trong đó:

Dự kiến tổng số tiền chi hỗ trợ kinh phí mua sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thực hiện từ tháng 09/2024 đến hết 31/5/2030 là 576.813.578.220 đồng (*Năm trăm bảy mươi sáu tỷ, tám trăm mười ba triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn, hai trăm hai mươi đồng*), cụ thể:

- Ngân sách địa phương: 47.531.337.975 đồng, trong đó ngân sách tỉnh: 9.506.267.596 đồng, Ngân sách huyện: 38.025.070.379 đồng.

- Doanh nghiệp hỗ trợ: 144.203.394.555 đồng.

- Phụ huynh đóng góp: 385.078.845.690 đồng.

Phân nguồn kinh phí theo từng năm, như sau:

- Năm học 2024-2025: 80.101.495.188 đồng (*Tám mươi tỷ, một trăm linh một triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm tám mươi tám đồng*), cụ thể:
 - + Ngân sách địa phương: 10.790.305.218 đồng, trong đó ngân sách tỉnh: 2.158.061.044 đồng, Ngân sách huyện: 8.632.244.174 đồng.
 - + Doanh nghiệp hỗ trợ: 20.025.373.797 đồng.
 - + Phụ huynh đóng góp: 49.285.816.173 đồng.
- Năm học 2025-2026: 80.101.495.188 đồng (*Tám mươi tỷ, một trăm linh một triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm tám mươi tám đồng*), cụ thể:
 - + Ngân sách địa phương: 10.790.305.218 đồng, trong đó ngân sách tỉnh: 2.158.061.044 đồng, Ngân sách huyện: 8.632.244.174 đồng.
 - + Doanh nghiệp hỗ trợ: 20.025.373.797 đồng.
 - + Phụ huynh đóng góp: 49.285.816.173 đồng.
- Năm học 2026-2027: 106.106.515.812 đồng (*Một trăm linh sáu tỷ, một trăm linh sáu triệu, năm trăm mười lăm nghìn, tám trăm mười hai đồng*), cụ thể:
 - + Ngân sách địa phương: 7.259.907.501 đồng, trong đó ngân sách tỉnh: 1.451.981.500 đồng, Ngân sách huyện: 5.807.926.001 đồng.
 - + Doanh nghiệp hỗ trợ: 26.526.628.953 đồng.
 - + Phụ huynh đóng góp: 72.319.979.358 đồng.
- Năm học 2027-2028: 103.965.321.636 đồng (*Một trăm linh ba tỷ, chín trăm sáu mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi một nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng*), cụ thể:
 - + Ngân sách địa phương: 6.551.531.316 đồng, trong đó ngân sách tỉnh: 1.310.306.263 đồng, Ngân sách huyện: 5.241.225.053 đồng.
 - + Doanh nghiệp hỗ trợ: 25.991.330.409 đồng.
 - + Phụ huynh đóng góp: 71.422.459.911 đồng.
- Năm học 2028-2029: 103.560.763.680 đồng (*Một trăm linh ba tỷ, năm trăm sáu mươi triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, sáu trăm tám mươi đồng*), cụ thể:
 - + Ngân sách địa phương: 6.195.021.723 đồng, trong đó ngân sách tỉnh: 1.239.004.345 đồng, Ngân sách huyện: 4.956.017.378 đồng.
 - + Doanh nghiệp hỗ trợ: 25.890.190.920 đồng.
 - + Phụ huynh đóng góp: 71.475.551.037 đồng.
- Năm học 2029-2030: 102.977.986.716 đồng (*Một trăm linh hai tỷ, chín trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn, bảy trăm mười sáu đồng*), cụ thể:
 - + Ngân sách địa phương: 5.944.266.999 đồng, trong đó ngân sách tỉnh: 1.188.853.400 đồng, Ngân sách huyện: 4.755.413.599 đồng.
 - + Doanh nghiệp hỗ trợ: 25.744.496.679 đồng.
 - + Phụ huynh đóng góp: 71.289.223.038 đồng.

Tổng cộng giai đoạn 2024-2030 là: 576.813.578.220 đồng (*Năm trăm bảy mươi sáu tỷ, tám trăm mười ba triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn, hai trăm hai mươi đồng*).

Chi phí hỗ trợ công tác truyền thông, kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện cho 06 năm học là 640.080.000 đồng (*Sáu trăm bốn mươi triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng*), cụ thể mỗi năm được cấp chi phí 106.680.000 đồng.

Nguồn kinh phí thực hiện các mức chi hỗ trợ do nguồn ngân sách nhà nước hàng năm của tỉnh đảm bảo.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động đối với chính sách trong dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định hỗ trợ sửa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 - 2030. Sở GDĐT trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng cơ quan Sở;
- Lưu: VT, VP (NHT).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phan Mỹ Hạnh